



BÀI 3. PHIẾU BÀI TẬP

BÀI TẬP TRƯỚC KHI LÊN LỚP: Bài 3.1

BÀI TẬP THỰC HIỆN TRÊN LỚP: Theo dõi bài giảng trên lớp.

BÀI TẬP SAU KHI LÊN LỚP: Bài 3.2 đến 3.6

Bài tập 3.1. Bài tập Cộng trừ nhân chia	1
Bài tập 3.2. Giải phương trình bậc 2	5
Bài tập 3.3. ỹ nghĩa Adapter?	6
Bài tập 3.4. Ý nghĩa custom layout	6
Bài tập 3.5. Phân biệt các container thường dùng	6
Bài tập 3.6. Ỹ nghĩa của điều khiển Datepicker, TimePciker	6

Bài tập 3.1. Bài tập Cộng trừ nhân chia



Yêu cầu:

Viết chương trình tính giá trị biểu thức theo các số A, B nhập vào hai ô EditText. Kết quả tính toán hiển thị ô TextView cuối màn hình

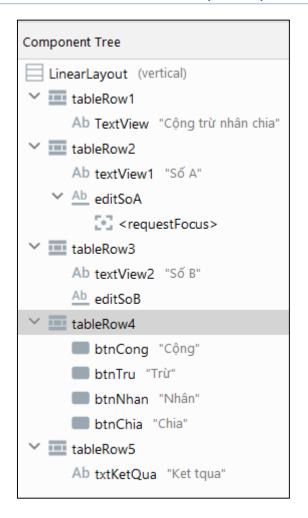
Thêm 1 nút lệnh Đóng. Nếu chọn nút lệnh này hiển thị hội thoại thông báo có chắc chắn đóng màn hình không. Nêu chọn có thì đóng ứng dụng. Nếu chọn không, thì màn hình vẫn hiển thị và không làm gì.

Hướng dẫn thực hiện:

- Thiết kế giao diện: Cây cấu trúc giao diện.







Activiy_main.xml

```
<LinearLayout</pre>
xmlns:android="http://schemas.android.com/apk/res/android"
    xmlns:tools="http://schemas.android.com/tools"
    android:layout width="match parent"
    android:layout height="match parent"
    android:orientation="vertical"
    tools:context=".MainActivity">
    <TableRow
        android:id="@+id/tableRow1"
        android: layout width="match parent"
        android:layout height="wrap content">
        <TextView
            android:layout width="match parent"
            android:layout height="wrap content"
            android:gravity="center"
            android:text="Cong trừ nhân chia"
            android:textColor="#2f87ff"
            android:textSize="28sp" />
    </TableRow>
    <TableRow
        android:id="@+id/tableRow2"
```



PHÁT TRIỀN UD TRÊN THIẾT BỊ DI ĐỘNG



```
android:layout width="match parent"
    android:layout height="wrap content"
    android:weightSum="3">
    <TextView
        android:id="@+id/textView1"
        android:layout width="0dp"
        android:layout height="wrap content"
        android:layout weight="1"
        android:text="Số A" />
    <EditText
        android:id="@+id/editSoA"
        android:layout width="0dp"
        android:layout height="48dp"
        android:layout weight="2"
        android:hint="Nhap so a">
        <requestFocus />
    </EditText>
</TableRow>
<TableRow
    android:id="@+id/tableRow3"
    android:layout width="match parent"
    android:layout height="wrap content"
    android:weightSum="3">
    <TextView
        android:id="@+id/textView2"
        android:layout width="0dp"
        android:layout height="wrap content"
        android:layout weight="1"
        android:text="Số B" />
    <EditText
        android:id="@+id/editSoB"
        android:layout width="0dp"
        android:layout height="48dp"
        android:layout weight="2"
        android:hint="nhap so B" />
</TableRow>
<TableRow
    android:id="@+id/tableRow4"
    android:layout width="match parent"
    android:layout height="wrap content">
    <Button
        android:id="@+id/btnCong"
        android:layout width="0dp"
        android:layout height="wrap content"
        android:layout weight="1"
        android:onClick="tong2So"
        android:text="Cong" />
    <Button
```



PHÁT TRIỀN UD TRÊN THIẾT BỊ DI ĐỘNG



```
android:id="@+id/btnTru"
            android:layout width="0dp"
            android:layout height="wrap content"
            android:layout weight="1"
            android:onClick="hieu2So"
            android:text="Trù" />
        <Button
            android:id="@+id/btnNhan"
            android:layout width="0dp"
            android:layout height="wrap content"
            android:layout weight="1"
            android:onClick="nhan2So"
            android:text="Nhân" />
        <Button
            android:id="@+id/btnChia"
            android:layout width="0dp"
            android:layout height="wrap content"
            android:layout weight="1"
            android:onClick="chia2So"
            android:text="Chia" />
    </TableRow>
    <TableRow
        android:id="@+id/tableRow5"
        android:layout width="match parent"
        android:layout height="wrap content">
        <TextView
            android:id="@+id/txtKetQua"
            android:layout width="match parent"
            android:layout height="wrap content"
            android:layout gravity="center"
            android:background="#fffbb9"
            android:gravity="center"
            android:text="Ket tqua"
            android:textColor="#3973ff"
            android:textSize="28sp" />
   </TableRow>
</LinearLayout>
```

Hướng dẫn phần xử lỹ nghiệp vụ. Thực hiện tương tự như phần lý thuyết tạo các phương thức có tên trùng với chuỗi gán cho phương thức onClick của nút lệnh tương ứng

```
public class MainActivity extends AppCompatActivity {
    //khai báo các biên tương ứng điều khiển giao diện
    @Override
    protected void onCreate(Bundle savedInstanceState) {
        super.onCreate(savedInstanceState);
        setContentView(R.layout.activity_main);
```





```
getWidget();
  }
  /**
   * thực hiện ánh xạ các điển khiển qua findByViewID
 private void getWidget() {
      //Xử lý nghiệp vụ ánh xạ các Button và EditText
  }
/**
 * phương thức tương ứng của nút lệnh btnCong
public void tong2So(View V) {
    //xử lý nghiệp vụ tính tổng 2 số
/**
 * phương thức tương ứng của nút lệnh btnTru
public void hieu2So(View V) {
    //xử lý nghiệp vụ tính tổng 2 số
/**
 * phương thức tương ứng của nút lệnh btnNhan
public void nhan2So(View V) {
    //xử lý nghiệp vụ tính tổng 2 số
}
/**
 * phương thức tương ứng của nút lệnh btnChia
public void chia2So(View V) {
    //xử lý nghiệp vụ tính tổng 2 số
```

Bài tập 3.2. Giải phương trình bậc 2

Thiết kế giao diện theo mẫu sau để giải phương trình bậc 2. Người dùng nhập vào các hệ số của phương trình thông qua 3 ô EditText.

Nút lệnh: giải phương trình: Thực hiện giải phương trình bậc hai và hiển thị kết quả trong ô hiển thị phía dưới nút lệnh

Nút lệnh: Tiếp tục: xóa trắng các text trong các ô nhập

Nút Thoát: Đóng cửa sổ nhập liệu.





Giải phương trình bậc 2			
Nhập a:	2		
Nhập b:	5		
Nhập c:	3		
Tiếp tục	Giải PT	Thoát	
Pt có 2 No: x1=-1.50; x2=-1.50			

Hướng dẫn thực hiện: Thực hiện tương tự như Bài tập 1

Bài tập 3.3. Ỹ nghĩa Adapter?

Adapter đóng vai trong gì trong việc hiển thị dữ liệu lên các container.

Bài tập 3.4. Ý nghĩa custom layout

Để hiển thị giao diện tùy biến (custom layout) đáp ứng nhu cầu của khách hàng thông thường thông qua mấy bước. Nêu tóm tắt các bước.

Bài tập 3.5. Phân biệt các container thường dùng

ListView, Recycle View và spinner giống nhau và khác nhau thế nào về mục đích sử dụng

Bài tập 3.6. Ỹ nghĩa của điều khiển Datepicker, TimePciker

Datepicker và timePiker dùng làm gì. Có nên kéo thả các điều khiển này ra màn hình thiết kế luôn không. Vì sao.